

Số: /BNV-CCVC  
V/v rà soát, đánh giá tình hình  
đội ngũ cán bộ, công chức làm  
công tác dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng

Hà Nội, ngày tháng 8 năm 2025

Kính gửi:

- Bộ Dân tộc và Tôn giáo;
- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện Kết luận số 179-KL/TW ngày 25/7/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về việc tiếp tục triển khai các nhiệm vụ hoàn thiện tổ chức bộ máy và hoạt động của mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; nhằm kịp thời tháo gỡ, giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong lĩnh vực dân tộc, tôn giáo, Bộ Nội vụ đề nghị Quý Bộ, đơn vị rà soát, đánh giá lại tình hình đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác dân tộc, tôn giáo, nhất là cán bộ, công chức làm công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo, bảo đảm đúng vị trí việc làm, đúng năng lực, sở trường; đủ số lượng, chất lượng, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ ở cơ sở theo Đề cương (kèm theo).

Báo cáo rà soát của Quý Cơ quan, đơn vị đề nghị gửi về Bộ Nội vụ trước ngày 31/8/2025 để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý Cơ quan, đơn vị./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Trương Hải Long;
- Lưu: VT, Vụ CCVC.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Trương Hải Long**

<sup>1</sup> Đề nghị Quý Bộ, đơn vị đồng thời gửi file định dạng word, excel về địa chỉ [nguyentrongtien@moha.gov.vn](mailto:nguyentrongtien@moha.gov.vn)  
Chi tiết liên hệ số điện thoại: 098.291.2368.

## ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

### Rà soát, đánh giá lại tình hình

#### đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác dân tộc, tôn giáo

(Kèm theo Công văn số /BNV-CCVC ngày /8/2025 của Bộ Nội vụ)

---

## I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Khái quát chung về công tác cán bộ và đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác dân tộc, tôn giáo, nhất là cán bộ, công chức làm công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo của cơ quan, đơn vị.

## II. NỘI DUNG RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ

### 1. Về rà soát, thống kê số liệu

Tổng số cán bộ, công chức làm công tác dân tộc, tôn giáo hiện có, trong đó:

a) Theo đối tượng:

- Tổng số cán bộ:
- Tổng số công chức:
- Kiêm nhiệm (nếu có):

b) Theo vị trí việc làm:

- Tổng số lãnh đạo, quản lý (lãnh đạo theo từng cấp: bộ, tỉnh, vụ, sở, phòng hoặc tương đương).

- Tổng số công chức làm chuyên môn, nghiệp vụ không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.

c) Số lượng tăng hoặc giảm so với thời điểm trước ngày 01/7/2025.

(Thống kê số liệu cụ thể theo Phụ lục số 01 và Phụ lục số 02 kèm theo)

### 2. Đánh giá thực trạng

- Ưu điểm về số lượng, cơ cấu, chất lượng.
- Những tồn tại, hạn chế (thiếu nhân lực, thiếu người có chuyên môn sâu...).

### 3. Nguyên nhân của ưu điểm và hạn chế.

- Khách quan.
- Chủ quan.

## III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Về tổ chức bộ máy, biên chế để bảo đảm số lượng
2. Về đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao chất lượng
3. Về chính sách đãi ngộ, thu hút nhân lực./.

**Phụ lục số 01**  
**Bảng tổng hợp số liệu cán bộ, công chức làm công tác dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng của Bộ, tỉnh ....**

---

*Đơn vị tính: Người*

| STT            | Đối tượng rà soát | Làm công tác dân tộc | Làm công tác tôn giáo, tín ngưỡng | Giữ chức danh lãnh đạo, quản lý | Vị trí chuyên môn, nghiệp vụ | Người DTTS | Ghi chú |
|----------------|-------------------|----------------------|-----------------------------------|---------------------------------|------------------------------|------------|---------|
| 1              | Cán bộ            |                      |                                   |                                 |                              |            |         |
| 2              | Công chức         |                      |                                   |                                 |                              |            |         |
| <b>Tổng số</b> |                   |                      |                                   |                                 |                              |            |         |

Lưu ý:

- 1) Số liệu của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương sẽ bao gồm số liệu chung của cấp xã.
- 2) Trường hợp cán bộ, công chức làm cả công tác dân tộc và tôn giáo, tín ngưỡng thì xác định là 01 người.

**Phụ lục số 02****Thống kê danh sách cán bộ, công chức làm công tác dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng của Bộ, tỉnh ...**

| STT    | Họ và tên   | Giới tính | Năm sinh | Dân tộc | Đơn vị công tác | Vị trí việc làm, chức vụ, chức danh    | Trình độ chuyên môn | Lý luận chính trị | Chuyên trách/<br>Kiêm nhiệm | Đánh giá năng lực                                                      | Ghi chú |
|--------|-------------|-----------|----------|---------|-----------------|----------------------------------------|---------------------|-------------------|-----------------------------|------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1      |             |           |          |         |                 |                                        |                     |                   |                             |                                                                        |         |
| 2      |             |           |          |         |                 |                                        |                     |                   |                             |                                                                        |         |
| 3      |             |           |          |         |                 |                                        |                     |                   |                             |                                                                        |         |
| Ví dụ: | Giàng A ... | Nam       | 1980     | Mông    | UBND xã A       | Công chức Tôn giáo hoặc Trưởng phòng X | Cử nhân Tôn giáo    | Trung cấp         | Chuyên trách                | Đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ, đúng chuyên môn đào tạo, sở trường công tác |         |